|  |  |
| --- | --- |
| **­­­­­BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**DỰ THẢO 2 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**LỘ TRÌNH**

**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Bộ Khoa học và Công nghệ
năm 2017 và định hướng đến năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2016*

*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Tăng cường mức độ, phạm vi cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi giải quyết của Bộ nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp và tổ chức tốt hơn, nâng cao tính minh bạch trong quản lý nhà nước và góp phần phòng chống tham nhũng đẩy mạnh công tác cải cách hành chính.

**2. Mục tiêu cụ thể**

a) Cung cấp đầy đủ thông tin dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) phục vụ nhu cầu tra cứu, khai thác của người dân, doanh nghiệp và tổ chức.

b) Triển khai trực tuyến các thủ tục hành chính (TTHC), phấn đấu 60% số lượng hồ sơ của các TTHC đã triển khai trực tuyến được xử lý ở mức độ 3.

c) Đến năm 2017, 100% số dịch vụ hành chính công được cung cấp trực tuyến tối thiểu mức độ 3.

**II. NỘI DUNG**

**1. Danh mục các TTHC dự kiến cung cấp trực tuyến**

***a) Số liệu chung***

- Tổng số đơn vị có TTHC: 15 đơn vị; trong đó: 6 đơn vị tự triển khai trên hạ tầng riêng còn lại 9 đơn vị sẽ triển khai chung trên hạ tầng dùng chung của Bộ (chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

- Tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ: 324 TTHC, trong đó có 52 TTHC cấp Tỉnh và 272 TTHC cấp Trung ương (theo quyết định 3053/QĐ-BKHCN ngày 30/10/2015 về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ KH&CN). Tính đến hết năm 2016 có 197/272 TTHC cấp trung ương được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 và 02 TTHC cấp trung ương được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 (chi tiết tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 kèm theo).

- Đến hết năm 2017, 100% số TTHC do Bộ KH&CN chủ trì triển khai dự kiến cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 trở lên.

***b) Danh sách các thủ tục cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 trong năm 2017. (Chi tiết tại Phụ lục 4 và Phụ lục 5)***

**2.2. Định hướng đến năm 2020**

a) 80% số lượng hồ sơ được giải quyết trực tuyến đối với các thủ tục đã được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4.

b) Đến năm 2020, 80% số TTHC có số lượng hồ sơ giải quyết từ 500 hồ sơ/1 năm trở lên được cung cấp trực tuyến mức độ 4.

**III. KINH PHÍ**

Đối với các đơn vị có khả năng tự xây dựng triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến, căn cứ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, kinh phí cho cung cấp dịch vụ công trực tuyến, các đơn vị xây dựng dự toán, trình đơn vị có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các TTHC đã được đơn vị chủ trì cung cấp đăng ký sử dụng hạ tầng chung của Bộ để triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Trung tâm Tin học lập dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

**IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. **Giải pháp hành chính**

a) Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

b) Xây dựng các Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan đến cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

1. **Giải pháp kỹ thuật, công nghệ**

a) Triển khai thực hiện liên kết, tích hợp thông tin giữa Trang thông tin điện tử về TTHC của Bộ với Trang thông tin điện tử về TTHC của các đơn vị ,Trang thông tin điện tử cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

b) Trung tâm Tin học chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn thông tin và dữ liệu trên Trang thông tin điện tử về TTHC của Bộ.

c) Ưu tiên thực hiện các Đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm triển khai dịch vụ công trực tuyến.

**3. Giải pháp nhân lực**

a) Tổ chức các lớp tập huấn đào tạo sử dụng các hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại từng đơn vị.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực vận hành hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhất là đối với các đơn vị tự xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

**4. Giải pháp tổ chức, triển khai**

a)Ưu tiên triển khai trực tuyến các TTHC có tính khả thi cao (đơn vị có nguồn nhân lực tốt, quy trình xử lý TTHC rõ ràng, đơn giản) trước sau đó nhân rộng để việc sử dụng các dịch vụ công đơn giản, dễ dàng đối với người sử dụng.

b) Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công theo đúng kế hoạch đã đề ra; đồng thời có sự đánh giá kết quả thực hiện hàng năm để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Trung tâm Tin học**

a) Chủ trì, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng và triển khai Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ.

b) Chủ trì phối hợp với Văn phòng Bộ, các đơn vị liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin Bộ KH&CN, xây dựng phần mềm nền tảng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

**2. Các đơn vị chủ trì cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

a) Xây dựng kế hoạch triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến của đơn vị.

b) Phối hợp với Trung tâm Tin học bố trí nhân lực triển khai các dịch vụ công trực tuyến; định kỳ hàng quý báo cáo Lãnh đạo Bộ (thông qua Trung tâm Tin học) về tiến độ, kết quả thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến của đơn vị mình./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**

**Phạm Đại Dương**

**Phụ lục 1**

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRIỂN KHAI CUNG CẤP THỦ TỤC TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cơ quan triển khai**  | **Số thủ tục** |
| 1 | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | 54 |
| 2 | Cục sở hữu trí tuệ | 38 |
| 3 | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân | 50 |
| 4 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 12 |
| 5 | Cục Thông tin khoa học và công nghệ | 4 |
| 6 | Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc | 39 |
| 7 | Trung tâm Tin học | 69 |
| 8 | Bộ Khoa học và Công nghệ (chưa phân công đơn vị triển khai) | 6 |

**Phụ lục 2**

**DANH SÁCH CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP**

**TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3 NĂM 2016**

 *(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Cơ quan chủ trì xử lý** |
|  | Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ | Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia |
|  | Thủ tục đăng ký nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ |
|  | Thủ tục đăng ký tham gia xét chọn giải thưởng Tạ Quang Bửu |
|  | Thủ tục đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ |
|  | Thủ tục đăng ký tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ. |
|  | Thủ tục đăng ký nghiên cứu sau tiến sĩ tại Việt Nam do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ |
|  | Thủ tục đăng ký thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ |
|  | Thủ tục đăng ký tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành ở Việt Nam do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ |
|  | Thủ tục đăng ký công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ |
|  | Thủ tục đăng ký nâng cao chất lượng, chuẩn mực của tạp chí khoa học và công nghệ trong nước do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ |
|  | Thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ |
|  | Thủ tục đăng ký tài trợ của nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ |
|  | Thủ tục đăng ký cơ sở pha chế xăng dầu | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
|  | Thủ tục đăng ký lại cơ sở pha chế xăng dầu |
|  | Thủ tục điều chỉnh, bổ sung cơ sở pha chế xăng dầu |
|  | Trình tự, thủ tục công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp. |
|  | Thủ tục công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp. |
|  | Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nướccho tổ chức tư vấn |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn |
|  | Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập |
|  | Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc |
|  | Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước |
|  | Thủ tục đăng ký lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc |
|  | Thủ tục đăng ký cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận |
|  | Thủ tục Chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng |
|  | Đề nghị bãi bỏ hiệu lực của thông báo đình chỉ giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng do vi phạm |
|  | Thủ tục chứng nhận lại, điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng |
|  | Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài |
|  | Thủ tục chỉ định lại, thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài |
|  | Thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường |
|  | Thủ tục điều chỉnh nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường |
|  | Thủ tục chỉ định tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường |
|  | Thủ tục điều quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường |
|  | Thủ tục Chứng nhận chuẩn đo lường |
|  | Thủ tục Điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường |
|  | Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường |
|  | Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ |
|  | Thủ tục đề nghị được tiếp tục cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm sau khi hoàn thành việc khắc phục hậu quả trong thời hạn bị đình chỉ hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường |
|  | Thủ tục đề nghị bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường |
|  | Thủ tục đề nghị bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường |
|  | Thủ tục phê duyệt mẫu phương tiện đo |
|  | Thủ tục Điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo |
|  | Thủ tục Gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo |
|  | Thủ tục điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường |
|  | Thủ tục Chỉ định tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật sản xuất, chế biến khí dầu mỏ hóa lỏng |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật sản xuất, chế biến khí dầu mỏ hóa lỏng. |
|  | Thủ tục cấp giấy xác nhận chất lượng sản phẩm LPG sản xuất lần đầu |
|  | Thủ tục phê duyệt chuẩn quốc gia |
|  | Thủ tục chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia |
|  | Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia, phê duyệt chuẩn quốc gia |
|  | Thủ tục đề nghị chỉ định lại tổ chức giữ chuẩn quốc gia |
|  | Thủ tục đăng ký tham dự, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia |
|  | Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động công nhận |
|  | Thủ tục đăng ký tham gia dự án năng suất và chất lượng của doanh nghiệp |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận |
|  | Thủ tục đề nghị thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động đã đăng ký đối với tổ chức chứng nhận |
|  | Thủ tục thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động đã đăng ký đối với tổ chức thử nghiệm |
|  | thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận phục vụ quản lý Nhà nước |
|  | Thủ tục cấp và quản lý mã số, mã vạch |
|  | Thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (gắn với thành lập doanh nghiệp) tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc | Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (không gắn với thành lập doanh nghiệp/chi nhánh) tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài (không gắn với thành lập doanh nghiệp/chi nhánh) tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài (gắn với thành lập doanh nghiệp/chi nhánh) tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc (quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) |
|  | Thủ tục thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc (quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) |
|  | Thủ tục thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc (quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện) |
|  | Thủ tục đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục đăng ký lại doanh nghiệp tại Khu Công nghệ cao Hoà Lạc |
|  | Thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có từ hai chủ sở hữu trở lên thành Công ty TNHH một thành viên tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài do một tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài đầu tư thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc. |
|  | Thủ tục chuyển đổi Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là Công ty TNHH thành Công ty cổ phần tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung của dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng công trình tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng/ Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng/ Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục cấp chứng chỉ quy hoạch/điều chỉnh chứng chỉ quy hoạch đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục giới thiệu địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng công trình tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục gia hạn giới thiệu địa điểm lập dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục thẩm định dự án đầu tư xây dựng |
|  | Thủ tục đấu nối hạ tầng  |
|  | Thủ tục cấp phép xây dựng công trình |
|  | Thủ tục thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng/điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng |
|  | Thủ tục phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng/ Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc |
|  | Thủ tục giao lại đất không thu tiền sử dụng đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc  |
|  | Thủ tục giao lại đất có thu tiền sử dụng đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc  |
|  | Thủ tục cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc  |
|  | Thủ tục cho thuê đất miễn thu tiền sử dụng đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc  |
|  | Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc  |
|  | Thủ tục gia hạn quyền sử dụng đất tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc  |
|  | Thủ tục đăng ký sáng chế/GPHI | Cục Sở hữu trí tuệ |
|  | Thủ tục đăng ký kiểu dáng công nghiệp |
|  | Thủ tục đăng ký nhãn hiệu |
|  | Thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý |
|  | Thủ tục đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn |
|  | Yêu cầu cấp bản sao tài liệu thông tin sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục huỷ bỏ hiệu lực văn băng bảo hộ sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục cấp lại/cấp phó bản văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ |
|  | Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sừ dụng sáng chế |
|  | Thủ tục gia hạn hiệu lực ván bằng bảo hộ |
|  | Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục đăng ký sáng chế theo Hiệp ước PCT có nguồn gốc Việt Nam |
|  | Thủ tục đăng ký sáng chê theo Hiệp ước PCT có chỉ định Việt Nam |
|  | Thủ tục đăng ký sáng chế theo Hiệp ước PCT có chọn Việt Nam |
|  | Thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu có nguồn gốc Việt Nam |
|  | Thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu có chỉ định Việt Nam |
|  | Thủ tục đăng ký chủ trì thực hiện dự án Trung ương quản lý thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ |
|  | Gia hạn dự án thuộc Chương trình hô trợ phát triên tài sản trí tuệ |
|  | Thủ tục sửa đối, bố sung, tách đơn đăng ký sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục yêu cầu ghi nhận chuyển giao đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sờ hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc |
|  | Thủ tục sửa đổi Văn bằng bảo hộ |
|  | Thủ tục dăng ký dự kiếm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục ghi nhận Người đại diện sở hãm công nghiệp |
|  | Thủ tục ghi nhận tố chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục ghi nhận thay đổi về tồ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp/người đại diện sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục đăng ký dự kiếm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tố chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp |
|  | Thủ tục cấp đăng ký hoạt động dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân |
|  | Thủ tục cấp sửa đổi đăng ký hoạt động dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ |
|  | Thủ tục cấp lại đăng ký hoạt động dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ |
|  | Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ |
|  | Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ |
|  | Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp tỉnh |
|  | Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (*đối với công việc bức xạ sau: vận hành thiết bị chiếu xạ; sản xuất chất phóng xạ; chế biến chất phóng xạ; vận chuyển quá cảnh chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân và thiết bị hạt nhân)* |
|  | Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở ( *đối với công việc bức xạ còn lại, trừ việc sử dụng thiết bị X-quang chuẩn đoán trong y tế)* |
|  | Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (*đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế)* |
|  | Thủ tục công nhận áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn |
|  | Thủ tục thẩm định Báo cáo phân tích an toàn trong hồ sơ phê duyêt dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện hạt nhân |
|  | Thủ tục thẩm định Báo cáo phân tích an toàn sơ bộ trong hồ sơ đề nghị phê duyệt địa điểm nhà máy điện hạt nhân. |
|  | Thủ tục thẩm định, phê duyệt địa điểm xây dựng nhà máy điện hạt nhân |
|  | Thủ tục thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhà máy điện hạt nhân |
|  | Thủ tục cấp Giấy phép xây dựng công trình nhà máy điện hạt nhân |
|  | Thủ tục cấp Giấy phép vận hành thử nhà máy điện hạt nhân |
|  | Thủ tục cấp giấy phép chấm dứt hoạt động và tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân |
|  | Thủ tục công nhận hết trách nhiệm thực hiện quy định về kiểm soát hạt nhân |
|  | Thủ tục khai báo chất phóng xạ. |
|  | Thủ tục cấp giấy khai báo chất thải phóng xạ |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (nhập khẩu, xuất khẩu chất phóng xạ).  |
|  | Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử (trừ dịch vụ kiểm tra thiết bị X-quang y tế) |
|  | Thủ tục cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử (kiểm tra thiết bị X-quang y tế) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép xây dựng lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu |
|  | Thủ tục cấp giấy phép vận hành thử lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu |
|  | Thủ tục cấp giấy phép vận hành lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu |
|  | Thủ tục khai báo vật liệu hạt nhân nguồn |
|  | Thủ tục khai báo vật liệu hạt nhân |
|  | Thủ tục khai báo thiết bị hạt nhân |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (vận hành thiết bị chiếu xạ) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị bức xạ, trừ thiết bị X quang chẩn đoán trong y tế) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng chất phóng xạ) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sản xuất, chế biến chất phóng xạ) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (lưu giữ chất phóng xạ) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (tự xử lý, lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại kho lưu giữ chất thải phóng xạ quốc gia hoặc cơ sở làm dịch vụ xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (xuất khẩu chất phóng xạ) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (xuất khẩu vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân và thiết bị hạt nhân) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (nhập khẩu chất phóng xạ) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (nhập khẩu vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân và thiết bị hạt nhân) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đóng gói, vận chuyển vật liệu hạt nhân nguồn và vật liệu hạt nhân) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (thay đối quy mô, phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ) |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (vận chuyển quá cảnh chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn và vật liệu hạt nhân) |
|  | Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ |
|  | Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (xây dựng cơ sở bức xạ) |
|  | Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ |
|  | Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (trừ thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) |
|  | Thủ tục cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế, kỹ sư trưởng lò phản ứng hạt nhân, trưởng ca vận hành lò phản ứng hạt nhân, người quản lý nhiên liệu hạt nhân, nhân viên vận hành lò phản ứng hạt nhân) |
|  | Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (kỹ sư trưởng lò phản ứng hạt nhân, trưởng ca vận hành lò phản ứng hạt nhân, người quản lý nhiên liệu hạt nhân, nhân viên vận hành lò phản ứng hạt nhân) |
|  | Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ. | Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia |
|  | Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành. |
|  | Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành. |
|  | Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước |

**PHỤ LỤC 3**

**DANH SÁCH CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 NĂM 2016** *(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2016*

*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Cơ quan chủ trì xử lý** |
| 1 |  Cấp phép chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức KH&CN | Văn phòng Đăng ký hoạt động KH&CN |
| 2 | Cấp phép chứng nhận trong trường hợp đăng ký, thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&CN của tổ chức KH&CN |

**PHỤ LỤC 4**

**DANH SÁCH CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3 NĂM 2017***(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2016*

*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Đơn vị chủ trì** |
| --- | --- | --- |
|  | Cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài | Văn phòng Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ |
|  | Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ |
|  | Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ |
|  | Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ |
|  | Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức khoa học và công nghệ |
|  | Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức khoa học và công nghệ |
|  | Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị mất |
|  | Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị rách, nát |
|  | Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam |
|  | Cấp thay đổi Giấy phép thành lập trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin về tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài ghi trên giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam |
|  | Cấp thay đổi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh trong trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam |
|  | Cấp thay đổi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh trong trường hợp đăng ký thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam |
|  | Cấp thay đổi Giấy phép thành lập trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam |
|  | Cấp thay đổi Giấy phép thành lập trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam |
|  | Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam |
|  | Cấp Giấy phép thành lập trong trường hợp Giấy phép thành lập của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam bị mất |
|  | Cấp Giấy phép thành lập trong trường hợp Giấy phép thành lập của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam bị rách, nát |
|  | Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài |
|  | Đề nghị thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài |
|  | Thủ tục đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác  | Vụ Tổ chức cán bộ |
|  | Thủ tục xem xét kéo dài thời gian công tác khi đủ tuổi nghỉ hưu  |
|  | Thủ tục công nhận là nhà khoa học đầu ngành  |
|  | Thủ tục đăng ký chủ trì, thực hiện dự án hỗ trợ thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|  | Thủ tục đăng ký chủ trì, thực hiện dự án hỗ trợ hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|  | Thủ tục đăng ký chủ trì, thực hiện dự án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|  | Thủ tục đăng ký chủ trì, thực hiện dự án hỗ trợ tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|  | Thủ tục đăng ký chủ trì, thực hiện các dự án phục vụ công tác quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|  | Thủ tục đăng ký xét duyệt hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia. | Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật |
|  | Thủ tục thẩm định nhiệm vụ thuộc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia  |
|  | Thủ tục Tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ độc lập cấp nhà nước |
|  | Thủ tục Tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm độc lập cấp nhà nước |
|  | Thủ tục đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án đầu tư sản phẩm quốc gia |
|  | Thủ tục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư | Vụ Hợp tác quốc tế |
|  | Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư |
|  | Thủ tục thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư |
|  | Thủ tục điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư |
|  | Thủ tục đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư |
|  | Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người. | Vụ Đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ |
|  | Thủ tục đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người |
|  | Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao |
|  | Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đầu tư |
|  | Thủ tục xác định phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ |
|  | Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp | Vụ Pháp chế |
|  | Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp |
|  | Thủ tục xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ. | Vụ Thi đua – Khen thưởng |
|  | Thủ tục xét tặng Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ. |
|  | Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân không cư trú, không hoạt động tại Việt Nam. |
|  | Thủ tục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ | Vụ Kế hoạch – Tổng hợp |
|  | Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ |
|  | Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ |
|  | Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao | Vụ Công nghệ cao |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân |
|  | Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 | Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ |
|  | Thủ tục đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu |
|  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Sàn giao dịch công nghệ quốc gia |
|  | Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Sàn giao dịch công nghệ ngoài công lập |
|  | Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm giao dịch công nghệ ngoài công lập |
|  | Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ |
|  | Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ |
|  | Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo |
|  | Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ |

**Phụ lục 5**

**DANH SÁCH TTHC DỰ KIẾN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN**

 **MỨC ĐỘ 4 NĂM 2017**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2016*

*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Cơ quan chủ trì xử lý** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |